

**VỊ TRÍ, CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC**  
**CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC CẤP TỈNH, CẤP XÃ NĂM 2026**  
*(kèm theo Kế hoạch số 26-KH/BTCTU, ngày 03/7/2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy)*

STT	Vị trí tuyển dụng	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức				Chi tiêu tuyển dụng	Yêu cầu của vị trí dự tuyển (trình độ, ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển)
			Biên chế công chức theo từng VTVL	Tỷ lệ (%) công chức cần bố trí theo từng VTVL/Tổng số biên chế cơ quan	Biên chế có mặt theo từng vị trí việc làm	Số thiếu so với VTVL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm tuyển dụng riêng cho từng cơ quan</b>		<b>14</b>			<b>3</b>	<b>3</b>	
*	<b>Cấp tỉnh</b>		<b>13</b>			<b>2</b>	<b>2</b>	
1	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy	5	13,88	4	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Kinh tế, Kinh doanh quốc tế
2	Chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên	Ban Công tác đoàn và thanh thiếu nhi, cơ quan Ủy ban MTTQ tỉnh	8	7,84	7	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Công tác Thanh thiếu nhi, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước, Luật, Xã hội học, Quan hệ công chúng, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Hành chính công, Quản trị nhân lực, Tâm lý học, Công nghệ thông tin
*	<b>Cấp xã</b>		<b>1</b>			<b>1</b>	<b>1</b>	
3	Chuyên viên Hành chính	Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Nậm Mạ	1	3,7	0	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế, Kế toán, Nông, Lâm nghiệp
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm tuyển dụng chung (cấp xã)</b>		<b>76</b>			<b>51</b>	<b>48</b>	
1	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Văn phòng Đảng ủy xã Khoen On	1	3,7	0	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông, Lâm nghiệp, Công tác xã hội, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Hành chính học, Quản trị văn phòng
		Văn phòng Đảng ủy xã Mường Tè	1	3,7	0	1	1	

STT	Vị trí tuyển dụng	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức				Chỉ tiêu tuyển dụng	Yêu cầu của vị trí dự tuyển (trình độ, ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển)
			Biên chế công chức theo từng VTVL	Tỷ lệ (%) công chức cần bố trí theo từng VTVL/Tổng số biên chế cơ quan	Biên chế có mặt theo từng vị trí việc làm	Số thiếu so với VTVL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Chuyên viên về chuyển đổi số	Văn phòng Đảng ủy xã Pắc Ta	1	3,7	0	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
		Văn phòng Đảng ủy xã Tủa Sín Chải	1	3,7	0	1	1	
		Văn phòng Đảng ủy xã Nậm Tăm	1	3,7	0	1	1	
		Văn phòng Đảng ủy xã Nậm Mạ	1	3,7	0	1	1	
		Văn phòng Đảng ủy xã Bum Tờ	1	3,7	0	1	1	
		Văn phòng Đảng ủy xã Bum Nưa	1	3,7	0	1	1	
		Văn phòng Đảng ủy xã Tà Tổng	1	3,7	0	1	1	
3	Chuyên viên về Tổ chức xây dựng Đảng	Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Đào San	2	7,4	1	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Công tác xã hội, Luật, Quản trị nhân lực
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Nậm Cuổi	2	7,4	1	1	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Nậm Mạ	1	3,7	0	1	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Hồng Thu	2	7,4	0	2	2	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Mường Tè	2	7,4	0	2	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Tà Tổng	2	7,4	0	2	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Mù Cá	1	3,7	0	1	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Nậm Tăm	1	3,7	0	1	1	

STT	Vị trí tuyển dụng	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức				Chỉ tiêu tuyển dụng	Yêu cầu của vị trí dự tuyển (trình độ, ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển)
			Biên chế công chức theo từng VTVL	Tỷ lệ (%) công chức cần bố trí theo từng VTVL/Tổng số biên chế cơ quan	Biên chế có mặt theo từng vị trí việc làm	Số thiếu so với VTVL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Chuyên viên về công tác Tuyên giáo và Dân vận	Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Mường Mô	1	3,7	0	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Báo chí, Công tác xã hội, Tôn giáo học, Văn hóa học
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Pu Sam Cáp	1	3,7	0	1	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Nậm Cuối	1	3,7	0	1	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Bum Tờ	1	3,7	0	1	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Mường Tè	1	3,7	0	1	1	
		Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã Tà Tổng	1	3,7	0	1	1	
5	Chuyên viên về công tác Mặt trận	Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Bản Bo	5	18,5	4	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Công tác Thanh thiếu niên, Công tác xã hội, Xã hội học, Quan hệ công chúng
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Khoen On	5	18,5	3	2	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Sì Lở Lầu	5	18,5	4	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Mường Mô	5	18,5	4	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Hồng Thu	3	11,1	1	2	2	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Nậm Mạ	3	11,1	1	2	2	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Nậm Cuối	2	7,4	1	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Mường Tè	2	7,4	1	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Tà Tổng	3	11,1	1	2	2	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Mù Cà	3	11,1	0	3	3	
Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Khun Há	4	14,8	3	1	1			

STT	Vị trí tuyển dụng	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức				Chỉ tiêu tuyển dụng	Yêu cầu của vị trí dự tuyển (trình độ, ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển)
			Biên chế công chức theo từng VTVL	Tỷ lệ (%) công chức cần bố trí theo từng VTVL/Tổng số biên chế cơ quan	Biên chế có mặt theo từng vị trí việc làm	Số thiếu so với VTVL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
6	Kế toán viên	Văn phòng Đảng ủy xã Nậm Cuối	1	3,7	0	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán
		Văn phòng Đảng ủy xã Mù Cả	1	3,7	0	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Hua Bum	1	3,7	0	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Nậm Tăm	1	3,7	0	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Pu Sam Cáp	1	3,7	0	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Nậm Mạ	1	3,7	0	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Mường Tè	1	3,7	0	1	1	
		Cơ quan Ủy ban MTTQ xã Tà Tổng	1	3,7	0	1	1	

**Ghi chú: Tổng số có 09 vị trí, 51 chỉ tiêu, trong đó:**

- Cấp tỉnh: 02 vị trí, 02 chỉ tiêu (trong đó: Chỉ tiêu tuyển dụng cho từng cơ quan 02 vị trí, 02 chỉ tiêu).

- Cấp xã: 07 vị trí, 49 chỉ tiêu (trong đó: Chỉ tiêu tuyển dụng cho 01 cơ quan 01 vị trí, 01 chỉ tiêu; chỉ tiêu tuyển dụng chung 06 vị trí, 48 chỉ tiêu).